

Số: 11/2017/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí trong lĩnh vực giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 70/BC-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang với các nội dung sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Nghị quyết này áp dụng đối với:

a) Người nộp phí: Tổ chức, cá nhân khi yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, yêu cầu cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh;

b) Tổ chức thu phí: Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và các chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh.

2.2. Nghị quyết này không áp dụng đối với các trường hợp:

a) Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

b) Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng do lỗi của cán bộ đăng ký.

3. Mức thu phí

Mức thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất như sau:

STT	CÁC TRƯỜNG HỢP NỘP PHÍ	MỨC THU
1	Mức phí đăng ký giao dịch bảo đảm	
a	<i>Đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất</i>	80.000/hồ sơ
b	<i>Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký</i>	60.000/hồ sơ
c	<i>Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm</i>	70.000/hồ sơ
d	<i>Xoá đăng ký giao dịch bảo đảm</i>	20.000/hồ sơ
đ	<i>Cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm</i>	30.000/trường hợp
2	Mức phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.	30.000/hồ sơ

4. Quản lý và sử dụng phí

4.1. Để lại 85% (tám mươi lăm phần trăm) trên tổng số tiền phí thu được cho cơ quan thu phí để trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc, dịch vụ thu phí theo chế độ quy định.

4.2. Nộp 15% (mười lăm phần trăm) trên số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26 tháng 7 năm 2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 8 năm 2017 và thay thế Nghị quyết số 46/2011/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các Tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- TT HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, (Dùng).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Văn Sơn